

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 72/2018/HNGĐ-ST

Ngày 21/8/2018/

V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Mạnh Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Sầm Dất Phấn**

Bà Trương Thị Lệ Thanh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán: Ông Nguyễn Hữu Thọ-
Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 221/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2018 về việc: “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Phùng A K sinh năm 1986**

HKTT: ấp 3, xã T, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: ấp 6, xã T, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị đơn: Anh Phạm Văn Tr sinh năm: 1977**

HKTT: ấp 3, xã T, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: ấp 6, xã T, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Chị K có mặt, anh Tr vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2018, bản tường trình, biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Phùng A K trình bày:

Chị Phùng A K và anh Phạm Văn Tr tự nguyện chung sống với nhau vợ chồng từ năm 2003, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tr thường xuyên ăn nhậu về nhà kiểm chuyện nên giữa vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau và

có lần anh Tr đã đánh chị K. Do không để lại thương tích gì nên chị K không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc anh Tr đã đánh chị. Ngoài ra do vợ chồng hay bất đồng quan điểm nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ khoảng tháng 4/2018 đến nay chị K và anh Tr không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị K xin ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Chị K và anh Tr có 03 con chung là Phạm Thị Yến N, sinh ngày 27/01/2004; Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 03/4/2006 và Phạm Thế V, sinh ngày 24/12/2007. Khi ly hôn, chị K đồng ý giao 03 con cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Chị K không cấp dưỡng nuôi con cùng anh Tr.

Về tài sản: Chị K và anh Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Theo biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2018 bị đơn anh Phạm Văn Tr trình bày.

Anh Phạm Văn Tr và chị Phùng A K tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị K không rõ ràng về vấn đề tiền bạc kinh tế trong gia đình nên giữa vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau và có lần anh Tr đã đánh chị K nhưng không để lại thương tích gì. Ngoài ra do vợ chồng hay bất đồng quan điểm nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ khoảng tháng 4/2018 đến nay chị K và anh Tr không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Anh Tr đã nhiều lần hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nhưng chị K vẫn cương quyết ly hôn, nay tình cảm vợ chồng không còn anh Tr đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị K.

Về con chung: Anh Tr và chị K có 03 con chung là Phạm Thị Yến N, sinh ngày 27/01/2004; Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 03/4/2006 và Phạm Thế V, sinh ngày 24/12/2007. Khi ly hôn, anh Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh Tr và chị K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 31/7/2018 cho bị đơn anh Phạm Văn Tr, tại phiên tòa hôm nay anh Tr vắng mặt nhưng ngày 27/7/2018 anh Tr có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Phùng A K và anh Phạm Văn Tr thì thấy: Chị K và anh Tr tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định (BL 01, 35)

Quá trình chung sống giữa chị K và anh Tr thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau và đánh nhau, giữa hai bên không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng nên chị K yêu cầu xin ly hôn với anh Tr. Anh Tr đã nhiều lần hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nhưng chị K không có thiện chí hàn gắn và cương quyết ly hôn nên anh Tr đồng ý theo yêu cầu của chị K (BL 35). Xét quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh Tr tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị K có yêu cầu xin ly hôn với anh Tr là phù hợp theo quy định tại Điều 85, Điều 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Do chị K và anh Tr tự nguyện chung sống với nhau, không đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 chị K và anh Tr không được công nhận là vợ chồng.

Về con chung:

Chị K và anh Tr có 03 con chung là Phạm Thị Yến N, sinh ngày 27/01/2004; Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 03/4/2006 và Phạm Thế V, sinh ngày 24/12/2007.

Khi ly hôn, anh Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con thì chị K đồng ý để anh Tr được nuôi dưỡng ba con. Ngoài ra các con chung là cháu V, cháu T và cháu N có nguyện vọng được sống với anh Tr trong trường hợp cha mẹ ly hôn. Xét thỏa thuận nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh Tr và chị K là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án, người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành nghiêm về quan hệ tố tụng, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án. Bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung và tài sản: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 11, Điều 85 và Điều 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí

Tuyên xử:

Không công nhận chị Phùng A K và anh Phạm Văn Tr là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn Tr được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng ba con chung là Phạm Thị Yên N, sinh ngày: 27/01/2004; Phạm Thị Thanh T, sinh ngày: 03/4/2006 và Phạm Thế V, sinh ngày: 24/12/2007.

Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phùng A K do anh Phạm Văn Tr không yêu cầu.

Khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con ...).

Về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phùng A K phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 004899 ngày 04/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Chị K đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh
- VKSND HDQ;
- THADS HDQ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Mạnh Cường

